

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/DS-ST

Ngày: 16-3-2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Phi Anh Toàn;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 351/2025/TLST-DS ngày 25/11/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976, căn cước công dân số 038076035400 cấp ngày 01/05/2021; địa chỉ: xã T, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên lạc: 118D1, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 2002, căn cước công dân số: 068202001098, cấp ngày 25/4/2021; địa chỉ: tổ dân phố 14, xã C, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 28/10/2025); có mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1982, căn cước công dân số 037182014275 cấp ngày 27/12/2021 và bà Tống Hồng L, sinh năm 1974, căn cước công dân số 038074095923 cấp ngày 06/08/2022; cùng địa chỉ: số 720 khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; ông T có đơn xin vắng mặt; bà L vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: xã T, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên lạc: 118D1, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Tấn Đạt trình bày:

Ông Nguyễn Văn B và vợ chồng ông Mai T, bà Tống Hồng Loan là bạn bè lâu năm. Do có nhu cầu sửa chữa quán Karaoke và làm nhà nghỉ nên ông T và bà L có liên hệ ông Bình để mua hàng hoá thiết bị điện nước, vật liệu xây dựng với tổng số tiền khoảng 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Sau đó ông bà đã thanh toán cho ông B nên số tiền còn lại là 312.603.000 đồng (ba trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng) theo biên bản xác nhận nợ đề ngày 28/01/2024. Ông T, bà L cam kết sẽ thanh toán số tiền trên chậm nhất là vào ngày 28/5/2024.

Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại thời hạn thanh toán đã hết nhưng ông T, bà L nhiều lần trốn tránh, không thiện chí thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua vật tư cho ông B mặc dù ông Bình đã nhiều lần liên hệ đòi lại số tiền trên. Việc ông T, bà L không thanh toán tiền đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B đặc biệt trong thời điểm kinh tế khó khăn như hiện nay. Do đó, ông B đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề như sau: Buộc ông T, bà Tống Hồng L liên đới thanh toán tiền nợ gốc theo biên bản xác nhận nợ ngày 28/01/2024 là 312.603.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/5/2024 đến ngày xét xử (15 tháng) với lãi suất 10%/năm với số tiền 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định số tiền 312.603.000 đồng và tiền lãi phát sinh là tài sản chung của vợ chồng ông B, bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc ông Thành, bà L thanh toán cho ông B, bà H tổng số tiền 368.603.000 đồng (trong đó tiền gốc 312.603.000 đồng và tiền lãi 56.000.000 đồng).

Bị đơn bà Tống Hồng L trình bày: Vào năm 2021, chúng tôi có xây dựng nhà và sửa chữa quán Karaoke nên đã liên hệ với ông B là chủ cơ sở bán Vật liệu xây dựng mua các loại vật liệu xây dựng với số tiền khoảng 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Chúng tôi đã thanh toán một phần còn lại số tiền là 312.603.000 đồng chưa thanh toán. Giữa chúng tôi và ông Bình có xác nhận nợ vào ngày 28/01/2024. Chúng tôi sẽ sắp xếp thanh toán số tiền trên, còn đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu chúng tôi không đồng ý.

Bị đơn ông T trình bày: Trong thời gian khoảng năm 2021 chúng tôi có xây nhà và sửa quán Karaoke tại phường H (nay là phường B). Thời gian này mọi

chi tiêu trong gia đình đều do vợ tôi là bà Tổng Hồng L quản lý. Đối với số tiền 312.603.000 đồng nợ ông B, chúng tôi đồng ý thanh toán nhưng vợ tôi là bà L sẽ tính toán lại đã thanh toán được bao nhiêu vì hiện nay tôi đang rất khó khăn. Tôi và bà L đã ly hôn với nhau, sau khi ly hôn một mình tôi nuôi 03 con ăn học nên rất khó khăn, tôi không có khả năng để thanh toán số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H trình bày: Tôi và ông B là vợ chồng. Vào năm 2024, chúng tôi có bán vật liệu xây dựng cho vợ chồng ông T, bà L và hiện nay ông bà còn nợ lại số tiền là 312.603.000 đồng. Ông T, bà L cam kết sẽ thanh toán vào ngày 28/5/2024. Tuy nhiên, đến nay không thanh toán nên ông Bình nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà L thanh toán số tiền gốc nêu trên và tiền lãi phát sinh cho chúng tôi. Tôi thống nhất với trình bày của ông B, đề nghị Toà án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T và bà L thanh toán cho chúng tôi số tiền nêu trên.

- Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T và bà Tổng Hồng L phải trả số tiền đã vay. Bị đơn có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá và

thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Toà án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc có mặt của các đương sự: Bị đơn ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Tống Hồng L đã được Toà án tổng đạt văn bản tham gia phiên toà nhưng vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn ông B nhưng tại phiên toà nguyên đơn xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông B, bà H. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho ông B và bà H tổng số tiền là 368.603.000 đồng; trong đó tiền gốc 312.603.000 đồng và tiền lãi 56.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ lại số tiền mua hàng hoá là vật liệu xây dựng là 312.603.000 đồng và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “Biên bản xác nhận nợ” ngày 28/01/2024. Bị đơn ông B và bà L xác định còn nợ nguyên đơn số tiền mua vật liệu xây dựng nêu trên nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 312.603.000 đồng đến nay không thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi chậm trả: Như đã phân tích nêu trên, tính đến ngày 28/01/2024 bị đơn còn nợ số tiền là 312.603.000 đồng. Tại “Biên bản xác nhận nợ” ngày 28/01/2024 có nội dung “... ông T, bà Tống Hồng L cam kết chậm nhất là ngày 28/5/2024 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên cộng lãi suất. Nếu đến hạn không thanh toán sẽ chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật...”, theo đó bị đơn cam kết có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ vào ngày 28/5/2024 nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 28/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/3/2026) với lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng với số tiền 56.000.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 469, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên toà nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B đối với bị đơn ông T và bà Tống Hồng L về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Buộc ông T và bà Tống Hồng L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn B, bà Đỗ Thị H tổng số tiền là 368.603.000 đồng (ba trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng); trong đó tiền gốc là 312.603.000 đồng (ba trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng) và tiền lãi 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T và bà Tống Hồng L phải chịu 17.583.900 đồng (*mười bảy triệu năm trăm tám mươi ba nghìn chín trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền 8.791.950 đồng (*tám triệu bảy trăm chín mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039108 ngày 18/11/2025 của Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại

phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Kim Lài